

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2023/DS-ST

Ngày: 24 - 5 - 2023

V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Văn Lược;

2. Ông Bò Quốc Khánh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị An - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trương Anh Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 190/2022/TLST-DS ngày 15 tháng 12 năm 2022 về việc: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2023/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2023/QĐST-DS ngày 28 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Hà Duy T, sinh năm 1961; địa chỉ cư trú: Tổ A, Ấp S, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương.

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Viết T, sinh năm 1990; địa chỉ: Tổ V, Khu phố K, phường H, thị xã T (Nay là thành phố T), tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 24/9/2022) - Có mặt.

2. Các bị đơn: Ông Nguyễn Hữu G, sinh năm 1976 và bà Nguyễn Thị Lê T1, sinh năm 1979; cùng cư trú tại địa chỉ: Tổ X, Ấp S, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương - Cả hai bị đơn đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 10/10/2022, nguyên đơn là ông Hà Duy T, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Nguyễn Viết T trình bày:

Ông T và các bị đơn là vợ chồng ông Nguyễn Hữu G, bà Nguyễn Thị Lệ T1, sinh sống tại Ấp S, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương nên quen biết nhau. Do cần tiền làm ăn, tạo thu nhập phát triển kinh tế gia đình nên từ tháng 9/2019 đến tháng 10/2021 nhiều lần ông G, bà T1 hỏi vay tiền của ông T để làm ăn. Khi vay tiền hai bên thỏa thuận lãi suất 1,5%/tháng (Tương đương 18%/năm), khi nào cần lấy lại tiền gốc, ông T chỉ cần thông báo trước cho ông G, bà T1 01 tháng, ông G, bà T1 sẽ hoàn trả lại đủ tiền vay. Ngày 31/10/2021, giữa ông T, ông G, bà T1 tiến hành đối chiếu nợ gốc và cùng ký giấy xác nhận với nội dung: “Ông Nguyễn Hữu G cùng vợ là bà Nguyễn Thị Lệ T1 xác nhận có vay số tiền 227.800.000đ của ông Hà Duy T để làm ăn, lãi suất 1,5%/tháng, thanh toán lãi hàng tháng, khi nào cần lấy lại tiền gốc ông T chỉ cần báo trước cho ông G, bà T1 nửa tháng”. Sau khi xác nhận nợ xong, ông G, bà T1 chỉ thanh toán tiền lãi đúng 01 tháng đầu tiên (31/10/2021 - 31/11/2021). Do ông G, bà T1 vi phạm nghĩa vụ trả lãi theo thỏa thuận, ông T đã gửi thư đòi nợ thông qua hình thức bưu chính viễn thông nhưng ông G, bà T1 không phản hồi. Ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Nguyễn Hữu G, bà Nguyễn Thị Lệ T1 cùng liên đới trả cho ông T số tiền gốc là 227.800.000đ và tiền lãi suất 1,5%/tháng, tính từ ngày vi phạm nghĩa vụ 01/12/2021 đến thời điểm xét xử sơ thẩm (24/5/2023) là 17 tháng, tương đương số tiền lãi là 58.089.000đ, tổng cộng gốc và lãi: 285.889.000đ (Hai trăm tám mươi lăm triệu tám trăm tám mươi chín nghìn đồng).

Sau khi thụ lý vụ án, cán bộ Tòa án nhiều lần đến nơi ở tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng cho các bị đơn Nguyễn Hữu G và Nguyễn Thị Lệ T1 nhưng chỉ tổng đạt được văn bản tố tụng cho ông G, không tổng đạt được văn bản tố tụng cho bà T1 do bà T1 thường xuyên đi khỏi nơi cư trú. Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng cho bà T1 thông qua hình thức niêm yết công khai tại nơi cư trú, trụ sở Ủy ban nhân dân xã L, trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên theo đúng quy định tại Điều 179 Bộ luật Tố tụng Dân sự và tổng đạt thông qua người thân là ông Nguyễn Hữu G nhưng bà T1 không đến Tòa án tham gia tố tụng, tham gia phiên tòa.

Tại buổi hòa giải ngày 18/01/2023, bị đơn là ông Nguyễn Hữu G xác định từ năm 2019 đến năm 2021, vợ ông G là bà Nguyễn Thị Lệ T1 nhiều lần vay tiền của người hàng xóm là ông Hà Duy T. Việc bà T1 vay tiền sử dụng vào mục đích gì ông G không rõ, tuy nhiên ngày 31/10/2021, ông G đã ký giấy xác

nhận nợ vay số tiền nợ gốc là 227.800.000đ vì khi đó bà T1 thừa nhận với ông G có vay số tiền gốc nói trên để chi tiêu. Tại giấy xác nhận nợ ngày 31/10/2021, ông G đã cam kết sẽ thanh toán lãi cho ông T mỗi tháng 1,5% và vay không thời hạn, khi nào cần ông T báo trước 15 ngày, ông G và bà T1 sẽ trả lại tiền gốc. Tuy nhiên sau khi ký xác nhận nợ ngày 31/10/2021, ông G, bà T1 mới trả lãi được 01 tháng đầu tiên, sau đó bà T1 ngoại tình cùng người đàn ông khác dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn, bà T1 xin ly hôn ông G và được Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên giải quyết tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 19/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 06/5/2022. Sau khi ly hôn bà T1 đã bỏ nhà đi với người đàn ông khác nên ông G không trả tiền gốc và lãi cho ông T. Ông G chỉ chấp nhận thanh toán cho ông T số tiền nợ gốc 227.800.000đ trong thời hạn 06 tháng riêng số tiền lãi suất 1,5%/tháng tính từ ngày 01/12/2021 đến ngày Tòa án giải quyết xong vụ án theo yêu cầu khởi kiện của ông T, ông G không chấp nhận thanh toán. Sau khi hòa giải không thành bị đơn Nguyễn Hữu G nhận được văn bản thông báo phiên tòa sơ thẩm nhưng không đến tham gia phiên tòa.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa sơ thẩm:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng quy định pháp luật của người tiến hành tố tụng. Nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, đại diện hợp pháp của nguyên đơn đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng xét xử, người tham gia tố tụng theo quy định pháp luật, riêng các bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vắng mặt không thông báo lý do là chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn. Vụ án được xét xử trong thời hạn luật định. Viện Kiểm sát không kiến nghị, khắc phục gì thêm.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hà Duy T. Buộc ông Nguyễn Hữu G và bà Nguyễn Thị Lệ T1 cùng liên đới có trách nhiệm thanh toán cho ông Hà Duy T số tiền 285.889.000đ (Hai trăm tám mươi lăm triệu tám trăm tám mươi chín nghìn đồng) trong đó nợ gốc 227.800.000đ và lãi suất từ ngày 01/12/2021 đến ngày 24/5/2023 là 58.089.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Các bị đơn Nguyễn Hữu G và Nguyễn Thị Lệ T1 có nơi cư trú tại xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương và các đương sự đang tranh chấp hợp

đồng dân sự về vay tài sản, do vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các bị đơn đã được triệu tập đến tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không thông báo cho Tòa án biết lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Quá trình tố tụng, đại diện hợp pháp của nguyên đơn đã đưa ra lập luận và các chứng cứ gồm giấy vay tiền của bà Nguyễn Thị Lê T1 có chữ ký xác nhận của chồng là ông Nguyễn Hữu G thể hiện ngày 10/9/2019, bà T1, ông G đã vay của ông T số tiền 200.000.000đ, khi cần lấy lại vốn ông T chỉ cần báo trước 01 tháng và giấy xác nhận nợ ngày 31/10/2021 thể hiện ông G, bà T1 đã vay số tiền gốc của ông T là 227.800.000đ, lãi suất 1,5%/tháng, lãi trả hàng tháng, tiền gốc thanh toán khi ông T cần sẽ báo trước nửa tháng. Giấy vay tiền có chữ ký và dòng cam kết “*Tôi đã nhận đủ số tiền 227.800.000đ (Hai trăm hai mươi bảy triệu tám trăm ngàn)*” của ông Nguyễn Hữu G. Tại biên bản hòa giải ngày 18/01/2023 tại Tòa án, bị đơn Nguyễn Hữu G thừa nhận chữ ký và chữ viết trong giấy xác nhận vay tiền ngày 31/10/2021 do nguyên đơn xuất trình do ông G tự viết và ký tên trước mặt ông T nhưng ông G chỉ chấp nhận trả tiền gốc 227.800.000đ không chấp nhận trả lãi theo yêu cầu của nguyên đơn. Xét thấy, giao dịch vay tài sản là tiền mặt được các đương sự xác lập ngày 31/10/2021 là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và phù hợp quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự, lãi suất các bên thỏa thuận 1,5%/tháng, tương ứng 18%/năm không vượt quá mức lãi suất do pháp luật quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Bị đơn Nguyễn Hữu G thừa nhận ông và vợ là Nguyễn Thị Lê T1 có vay tiền của ông T với số tiền gốc 227.800.000đ và chấp nhận thanh toán, đây là tình tiết nguyên đơn không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Các bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ đã cam kết là không thanh toán lãi suất hàng tháng theo thỏa thuận, do đó việc nguyên đơn Hà Duy T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc các bị đơn Nguyễn Thị Lê T1 và ông Nguyễn Hữu G phải thanh toán số tiền gốc 227.800.000đ và lãi suất 1,5%/tháng tính từ ngày vi phạm nghĩa vụ 01/12/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 466 và khoản 2 Điều 469 của Bộ luật Dân sự.

[3] Lời trình bày của bị đơn Nguyễn Hữu G tại biên bản hòa giải ngày 18/01/2023, lý do không chấp nhận thanh toán lãi suất cho ông Giao vì khoản nợ trên do bà T1 vay và giữa ông G, bà T1 đã ly hôn, bà T1 đã bỏ nhà chung sống với người đàn ông khác. Xét thấy, tại thời điểm xác nhận nợ ngày 31/10/2021 ông G đã xác nhận khoản nợ vay là do hai vợ chồng ông G, bà T1 cùng vay để

làm ăn, tại thời điểm này ông G, bà T1 là vợ chồng chưa ly hôn. Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 19/2022/QĐ-ST, ngày 06/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên thể hiện ông G, bà T1 thuận tình ly hôn kể từ ngày 06/5/2022 (Ngày quyết định có hiệu lực pháp luật) và nội dung quyết định thể hiện “*Tài sản chung và nợ chung các đương sự không yêu cầu nên Tòa không giải quyết*”. Căn cứ Điều 17 và Điều 27 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, buộc ông Nguyễn Hữu G, bà Nguyễn Thị Lệ T1 cùng có nghĩa vụ liên đới thanh toán nợ gốc và lãi vay cho ông Hà Duy T là đúng quy định pháp luật.

[4] Tiền lãi chậm trả được tính theo mức lãi suất đã thỏa thuận như sau: Từ 01/12/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm (Ngày 24/5/2023) là 01 năm 05 tháng 23 ngày x 18%/năm x 227.800.000^d = 60.708.700đ. Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện hợp pháp của nguyên đơn chỉ yêu cầu các bị đơn thanh toán số tiền lãi là 58.089.000đ, đây là tình tiết có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Ý kiến phát biểu và lời đề nghị của Vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên tại phiên tòa về tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án là có căn cứ nên Tòa án chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Các bị đơn Nguyễn Thị Lệ T1, Nguyễn Hữu G phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2, Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; áp dụng khoản 2 Điều 357, Điều 466, khoản 1 Điều 468, khoản 2 Điều 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015; áp dụng Điều 17 và Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình; áp dụng điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán - Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử:

1.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Hà Duy T đối với các bị đơn là ông Nguyễn Hữu G và bà Nguyễn Thị Lệ T1 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

1.2. Buộc ông Nguyễn Hữu G và bà Nguyễn Thị Lệ T1 cùng có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho ông Hà Duy T số tiền 285.889.000đ (Hai trăm tám mươi lăm triệu tám trăm tám mươi chín nghìn đồng). Trong đó tiền gốc là 227.800.000đ (Hai trăm hai mươi bảy triệu tám trăm nghìn đồng) và tiền lãi do chậm thanh toán là 58.089.000đ (Năm mươi tám triệu không trăm tám mươi chín nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo ngày tuyên án sơ thẩm (25/5/2023) cho đến khi thi hành án xong, ông Nguyễn Hữu G và bà Nguyễn Thị Lệ T1 còn phải chịu trách nhiệm liên đới về khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên đã thoả thuận là 18%/năm (Mười tám phần trăm/ một năm) tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Hữu G và bà Nguyễn Thị Lệ T1 cùng liên đới phải nộp 14.294.500đ (Mười bốn triệu hai trăm chín mươi bốn nghìn năm trăm đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Các bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bắc Tân Uyên;
- CCTHADS huyện Bắc Tân Uyên;
- Dương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thanh

